

Biểu số 3 -Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục THADS tỉnh An Giang  
Chương:014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 8 tháng 7 Năm 2022

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2/2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2022 như sau:

*ĐV tính: 1000 đồng*

| Số TT      | Nội dung   | Dự toán năm      | Ước thực hiện quý 2 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý(6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|--|------------------|---------------------|-------------------------------------|--|
| 1          | 2  | 3                | 4                   | 5                                   | 6  |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                  |                     |                                     |  |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                  |                     |                                     |  |
|            | Phí thi hành án                                    | 1.256.000        | 377.205             | 30%                                 | 104%   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                  |                     |                                     |  |
|            | <i>Chi quản lý hành chính(340-341)</i>             |                  |                     |                                     |  |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | 573.634          | 303.101             | 52,8%                               | 202%   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                  |                     |                                     |  |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                  |                     |                                     |  |
|            | Phí thi hành án                                    | 455.300          | 261.132             | 57,3%                               | 192%   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>6.459.084</b> | <b>1.297.286</b>    |                                     |  |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>6.459.084</b> | <b>1.297.286</b>    |                                     |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      | <b>6.459.084</b> | <b>1.297.286</b>    |                                     |  |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | 5.638.631        | 1.263.596           | 22,4%                               | 102%   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             | 820.453          | 33.690              | 4,1%                                | 13,6%  |



Thủ trưởng đơn vị  
CỤC TRƯỞNG

Lâm Phước Nghĩa